

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng công nghệ thông tin,
đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học hình
thức Vừa làm vừa học, đào tạo Từ xa - Đợt tháng 9 năm 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế đào tạo Từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-ĐHTCM ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính qui theo tín chỉ; Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học; Quy chế đào tạo Từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1120/QĐ-ĐHTCM ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quyết định về việc điều chỉnh hướng dẫn thực hiện chuẩn đầu ra, hướng dẫn thực hiện điều kiện tốt nghiệp về ngoại ngữ (tiếng Anh), tin học, kỹ năng mềm đối với sinh viên trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 2485/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc điều chỉnh hướng dẫn thực hiện điều kiện xét miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học chính quy từ khóa tuyển sinh năm 2021 đến năm 2024, điều chỉnh hướng dẫn chuẩn đầu ra đối với khóa tuyển sinh năm 2024 đào tạo trình độ đại học chính quy tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng công nghệ thông tin cho 183 sinh viên, công nhận đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ cho 48 sinh viên.

(Có 02 danh sách kèm theo)



Điều 2. Quyết định được đưa vào dữ liệu của sinh viên trên hệ thống UIS và lưu trữ tại văn phòng Viện Đào tạo thường xuyên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐTTX (02b), (PTDL-02b) 

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, TỪ XA
ĐẠT CHUẨN ĐAU RA VỀ KỸ NĂNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Kèm theo Quyết định số 4098/QĐ-ĐHTCM ngày 07 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC
1	2263102023	Trần Thị Thanh	03/01/1999	22CDK18-MA1	UDCNTTCB
2	2363312009	Nguyễn Thị Thanh Thảo	22/9/1991	23CDK19-KQ3	UDCNTTCB
3	2363301004	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	12/9/2000	23CDK19-KT3	UDCNTT
4	2363301023	Lê Hồng Nhung	29/3/1998	23CDK19-KT3	MOS
5	2363301022	Nguyễn Ngọc Minh Anh	03/12/1998	23CDK19-KT3	UDCNTTCB
6	2362901011	Tô Thị Diễm Huỳnh	13/5/1994	23DH2K8KT.TN	UDCNTTCB
7	2361304069	Lý Triệu Vi	01/3/2005	23DHK19-TC3.H	MOS
8	2361304071	Nguyễn Đặng Hải Yến	16/4/2005	23DHK19-TC3.H	MOS
9	2372210089	Nguyễn Xuân Việt	20/4/1991	23XDH2K2-TA2.Q8	UDCNTTCB
10	2372210063	Phan Thanh Diễm	13/4/1991	23XDH2K2-TA2.Q8	UDCNTTCB
11	2372210112	Vũ Thị Thúy Nga	31/3/1979	23XDH2K2-TA2.VT	UDCNTTCB
12	2463212001	Nguyễn Thanh Tùng	04/01/1992	24V.CKQ20.2NK	MOS
13	2463212006	Huỳnh Thanh Nhanh	03/12/1994	24V.CKQ20.2NK	UDCNTTCB
14	2463212017	Nguyễn Lê Minh Thùy	27/4/2000	24V.CKQ20.2NK	UDCNTTCB
15	2463212020	Nguyễn Thùy Trâm	08/10/2000	24V.CKQ20.2NK	MOS
16	2463212023	Trần Thu Hồng	18/4/2002	24V.CKQ20.2NK	MOS
17	2463212024	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	30/8/1999	24V.CKQ20.2NK	MOS
18	2463212026	Đỗ Thị Khánh Huyền	24/8/1998	24V.CKQ20.2NK	UDCNTTCB
19	2463301014	Bùi Thị Hân Vy	27/7/2003	24V.CKT20.3NK	UDCNTT
20	2463301010	Đinh Thùy Linh	05/11/1993	24V.CKT20.3NK	UDCNTTCB
21	2463301033	Nguyễn Thị Kim Dung	06/5/1996	24V.CKT20.3NK	UDCNTTCB
22	2463102002	Bế Thị Duyên	17/11/2000	24V.CMA1.1NK	UDCNTT
23	2463102023	Trần Thị Hồng Vân	02/4/1994	24V.CMA1.1NK	MOS
24	2463102033	Huỳnh Thái Bảo	05/8/2003	24V.CMA1.1NK	UDCNTTCB
25	2463307001	Lê Thị Nguyệt Ánh	02/5/2002	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
26	2463307008	Ngô Thị Thành Hiếu	18/12/1994	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
27	2463307015	Vũ Thanh Tâm	30/5/2000	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
28	2463307025	Nguyễn Thị Ngọc Nương	10/4/1996	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
29	2463307028	Võ Thị An Bình	04/11/2003	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
30	2463307039	Trần Thị Bảo Yến	01/11/2003	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
31	2463307042	Đinh Ngọc Bảo Khanh	05/9/1998	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
32	2463307053	Huỳnh Trần Bảo Hân	09/3/2003	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
33	2463307054	Lê Phi Hiếu	27/11/2004	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
34	2463307055	Vương Thị Cẩm Duyên	20/10/2002	24V.CMA20.3NK	UDCNTTCB
35	2463307058	Lê Xuân Việt	25/02/2003	24V.CMA20.3NK	UDCNTTCB

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC
36	2463307061	Nguyễn Văn Vũ	01/01/2001	24V.CMA20.3NK	UDCNTT
37	2463106036	Bùi Thị Hậu	02/12/1996	24V.CQT1.1NK	UDCNTTCB
38	2463306002	Nguyễn Thị Kim Ngọc	07/3/1989	24V.CQT20.3NK	UDCNTTCB
39	2463204024	Huỳnh Minh Tín	12/8/1995	24V.CTC20.2NK	UDCNTTCB
40	2463204025	Võ Thị Anh Thơ	16/8/2003	24V.CTC20.2NK	UDCNTT
41	2463204026	Đoàn Ngọc Thanh	19/7/2003	24V.CTC20.2NK	UDCNTTCB
42	2462401001	Phan Thị Kiều Diễm	06/6/1991	24V.DKT10.4NK	UDCNTTCB
43	2462401002	Trương Thị Mỹ Điền	16/9/1996	24V.DKT10.4NK	UDCNTTCB
44	2472310115	Nguyễn Thị Hương	19/01/1985	24V.DTA10.2.BRVT	UDCNTTCB
45	2472310126	Nguyễn Tuấn Vinh	03/8/1997	24V.DTA10.2.BRVT	MOS
46	2461301053	Trần Thanh Điệp	05/4/2006	24V.PKT20.3H	MOS
47	2461307160	Trần Thúy Uyên	06/9/1998	24V.PMA20.3H3	UDCNTTCB
48	2461306017	Trần Thị Phương Nhung	06/9/1996	24V.PQT20.3NK	UDCNTTCB
49	2461304060	Đoàn Lê Minh Hà	10/4/2006	24V.PTC20.3H	MOS
50	2461304002	Nguyễn Trung Hiếu	10/11/1992	24V.PTC20.3NK	UDCNTTCB
51	2472310128	Trần Thị Kim Bích	03/4/1975	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
52	2472310091	Lê Dạ Xuân Châu	12/3/2001	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
53	2472310090	Nguyễn Phạm Trà Khúc	10/02/1999	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
54	2472310139	Trần Kim Ngọc Nữ	15/4/2000	24X.DTA3.1.HCQG	MOS
55	2472310144	Nguyễn Kỳ Quang	14/8/1999	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
56	2472310077	Phan Kim Sang	03/4/2001	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
57	2472310146	Huỳnh Ngọc Sơn	06/12/2002	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
58	2472310083	Trần Văn Thịnh	10/01/1999	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
59	2472310155	Lý Thị Mỹ Trinh	05/8/2002	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
60	2472310156	Hoàng Lương Huyền Trinh	18/6/2002	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
61	2472310092	Nguyễn Lê Thanh Trúc	21/6/1977	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
62	2472310094	Phạm Ngọc Tú	03/7/1984	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
63	2472310021	Lê Nữ Diễm Hương	09/02/1982	24X.DTA3.1.ILFM	UDCNTTCB
64	2472310025	Nguyễn Hồng Minh	15/12/1989	24X.DTA3.1.ILFM	UDCNTTCB
65	2472310048	Lê Hoài Vũ	23/7/1990	24X.DTA3.1.ILFM	UDCNTTCB
66	2472310223	Thái Mỹ Phụng	20/3/1999	24X.DTA3.1.ILFM	UDCNTTCB
67	2472310201	Lê Ngọc Thảo	07/3/2001	24X.DTA3.1.ILFM	MOS
68	2472310039	Huỳnh Châu Hiếu Thảo	17/9/2002	24X.DTA3.1.ILFM	MOS
69	2563122021	Nguyễn Mạnh Vĩ	19/8/1991	25V.CKQ21.2NK	UDCNTTCB
70	2563122006	Nguyễn Kim Ngân	30/3/2002	25V.CKQ21.2NK	UDCNTTCB
71	2563012008	Nguyễn Thị Diễm Phương	23/10/1995	25V.CKT21.2NK	UDCNTTCB
72	2563012016	Phạm Thị Long Xuyên	13/8/1998	25V.CKT21.2NK	UDCNTTCB
73	2563012021	Đỗ Ngọc Huyền	21/3/2003	25V.CKT21.2NK	MOS
74	2563012036	Vũ Thị Hường	08/10/1993	25V.CKT21.2NK	UDCNTTCB
75	2563012041	Nguyễn Thị Mộng Trinh	20/9/2003	25V.CKT21.2NK	UDCNTTCB
76	2563012042	Nguyễn Thị Phương Trinh	07/6/2004	25V.CKT21.2NK	UDCNTTCB
77	2563019002	Phạm Thị Hồng Nhung	10/10/2001	25V.CKT21.3TN	UDCNTTCB
78	2563019004	Trương Thảo Nguyên	02/02/2003	25V.CKT21.3TN	UDCNTTCB

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC
79	2563019006	Lại Ngọc Trâm	11/10/2004	25V.CKT21.3TN	UDCNTTCB
80	2563019008	Lâm Bảo Ngọc	12/01/1994	25V.CKT21.3TN	UDCNTTCB
81	2563019013	Lê Thị Mỹ Hương	08/8/1987	25V.CKT21.3TN	UDCNTTCB
82	2563072007	Huỳnh Thị Ngọc Hân	25/6/2002	25V.CMA21.2NK1	UDCNTTCB
83	2563072009	Trần Thị Hiền	08/12/2003	25V.CMA21.2NK1	UDCNTTCB
84	2563072010	Đàm Tiến Hưng	14/01/2004	25V.CMA21.2NK1	UDCNTTCB
85	2563072041	Nguyễn Thị Mỹ Truyền	03/3/2004	25V.CMA21.2NK1	UDCNTTCB
86	2563072023	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/9/1990	25V.CMA21.2NK1	UDCNTTCB
87	2563072026	Nguyễn Thị Bích Phượng	16/8/1998	25V.CMA21.2NK1	MOS
88	2563072101	Vũ Đoàn Ánh Tuyết	01/01/2004	25V.CMA21.2NK1	UDCNTTCB
89	2563072048	Nguyễn Thị Yến Oanh	03/10/1992	25V.CMA21.2NK2	UDCNTTCB
90	2563062032	Nguyễn Thị Đông Phương	08/3/2003	25V.CQT21.2NK	UDCNTTNC
91	2563062033	Nguyễn Thị Ánh Quyên	26/5/2003	25V.CQT21.2NK	UDCNTTCB
92	2563062011	Triệu Hoài Nam	02/4/1993	25V.CQT21.2NK	UDCNTTCB
93	2563062004	Phạm Thị Hồng Hạnh	11/9/2003	25V.CQT21.2NK	UDCNTTCB
94	2563041008	Võ Thị Mỹ Huyền	12/02/2003	25V.CTC21.1NK	MOS
95	2563041045	Nguyễn Đoàn Mai Trâm	07/4/1998	25V.CTC21.1NK	MOS
96	2563041007	Trần Gia Huy	06/11/1999	25V.CTC21.1NK	UDCNTTCB
97	2563059006	Trần Thị Thùy Trang	26/11/1991	25V.CTC21.3TN	UDCNTTNC
98	2563019012	Nguyễn Thị Thanh Hòa	04/5/1986	25V.CTC21.3TN	UDCNTTCB
99	2563059013	Lê Hồ Thanh Trâm	15/02/1998	25V.CTC21.3TN	UDCNTTCB
100	2563059014	Cao Thanh Bình	12/3/1996	25V.CTC21.3TN	UDCNTTCB
101	2562072005	Phan Nguyễn Bảo Châu	15/9/2001	25V.DMA11.2NK	UDCNTTCB
102	2562102019	Nguyễn Hữu Anh Nhi	24/11/1979	25V.DTA11.2AG	UDCNTTCB
103	2562102028	Võ Nguyễn Huyền Trân	27/6/2000	25V.DTA11.2AG	UDCNTTCB
104	2562041004	Vũ Anh Hoàng Sơn	28/02/1995	25V.DTC11.1NK	Đại học CNTT
105	2572104052	Nguyễn Ngọc Anh Thy	26/4/1985	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
106	2572104026	Nguyễn Thị Hương	28/9/1991	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
107	2572104037	Hồ Đức Nguyên	01/11/2001	25X.DTA4.1.ILFM	MOS
108	2572104106	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	18/7/1992	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
109	2572104111	Đỗ Thị Thủy	31/5/1983	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
110	2572104116	Nguyễn Trọng Trí	27/11/1996	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
111	2572104016	Đỗ Thị Út Hiền	28/01/1989	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
112	2563412040	Phạm Thị Thảo Anh	22/11/2005	25V.CKQ21.3NK	MOS
113	2561401004	Nguyễn Công Hoàng	14/01/1990	25V.CKT21.3NK	UDCNTTCB
114	2563407157	Vương Thị Thanh Nguyệt	01/11/1993	25V.CMA21.3NK2	UDCNTTCB
115	2561407139	Trần Thị Thúy Vi	24/12/2003	25V.CMA21.3NK2	MOS
116	2563406043	Phan Trọng Quý	10/02/1992	25V.CQT21.3NK	UDCNTTCB
117	2561404035	Hà Diễm Trang	19/02/2004	25V.CTC21.3NK	UDCNTTCB
118	2561407025	Võ Minh Hằng	20/3/2007	25V.PMA21.3H	MOS
119	2561406013	Nguyễn Thái Vũ Hoàng	06/9/2005	25V.PQT21.3H	UDCNTTCB
120	2573011020	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/01/1995	25X.CKT-K1.2	MOS
121	2573011022	Nguyễn Thanh Thúy	01/02/2002	25X.CKT-K1.2	MOS

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC
122	2573011030	Trịnh Thị Liên	19/11/1996	25X.CKT-K1.2	UDCNTTCB
123	2573011054	Nguyễn Thùy Linh	13/10/1990	25X.CKT-K1.2	UDCNTTCB
124	2573061011	Phạm Thanh Huyền	19/04/1990	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
125	2573061021	Trần Huyền Lệ Quyên	21/02/2000	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
126	2573061034	Lê Ngọc Tuyết Trân	04/11/1992	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
127	2573061045	Đỗ Thị Duyên	23/6/1993	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
128	2573061050	Lê Thị Bạch Huệ	02/10/1994	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
129	2573061061	Lê Xuân Phụng	20/4/1997	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
130	2573061062	Vũ Hải Quan	12/11/1999	25X.CQT-K1.2	MOS
131	2573061083	Lê Cao Đại	27/10/2004	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
132	2573061095	Tăng Thị Minh Thi	14/6/1998	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
133	2573104012	Phạm Nguyễn Hoàng Linh	28/7/1993	25X.CTA4.2	UDCNTTCB
134	2573104019	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	04/4/1993	25X.CTA4.2	UDCNTTCB
135	2573104023	Nguyễn Thị Thu Thảo	09/02/1999	25X.CTA4.2	UDCNTTCB
136	2571011006	Lê Thị Thu Thảo	18/01/1999	25X.DKT-K1.2	UDCNTTNC
137	2571011026	Lê Thị Quỳnh Như	02/5/1994	25X.DKT-K1.2	Cao đẳng CNTT
138	2572104177	Nguyễn Thị Thu Thủy	27/4/1990	25X.DTA4.2	UDCNTTCB
139	2572104196	Phùng Châu Lợi	16/12/1991	25X.DTA4.2	UDCNTTCB
140	2572104197	Trần Đức Mạnh	15/3/2003	25X.DTA4.2	MOS
141	2572104202	Nguyễn Thái Sơn	03/12/1992	25X.DTA4.2	UDCNTTCB
142	2572104216	Phạm Minh Vương	14/3/1995	25X.DTA4.2	UDCNTTCB
143	2572104162	Hà Cao Tấn Phát	15/4/1996	25X.DTA4.2.HVHC	UDCNTTCB
144	2572104168	Nguyễn Tấn Tài	27/8/1995	25X.DTA4.2.HVHC	UDCNTTCB
145	2572104240	Trần Sơn Thu Trang	16/11/1981	25X.DTA4.2.ILFM	UDCNTTCB
146	2572104286	Trần Nguyễn Hiền Thảo	18/10/1997	25X.DTA4.2.ILFM	MOS
147	2572104163	Phạm Tấn Phát	16/11/2002	25X.DTA4.2.SV	MOS
148	2572104174	Phan Duy Thanh	11/3/1996	25X.DTA4.2.SV	UDCNTTCB
149	2572104261	Phan Yến Linh	31/7/1997	25X.DTA4.2.SV	UDCNTTCB
150	2572104271	Trịnh Kim Ngân	29/02/1992	25X.DTA4.2.SV	UDCNTTCB
151	2571061029	Trần Lê Vy	04/12/1999	25X.PQT-K1.2	MOS
152	2563412009	Nguyễn Thị Kim Luyến	28/02/1998	25V.CKQ21.4NK	UDCNTTCB
153	2563401001	Trần Thị Trị An	24/5/2002	25V.CKT21.4NK	MOS
154	2563401014	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	06/9/1998	25V.CKT21.4NK	UDCNTTCB
155	2563407026	Bùi Lê Trung Nguyên	22/3/2004	25V.CMA21.4NK.1	UDCNTTCB
156	2563407014	Lữ Minh Huy	12/01/2004	25V.CMA21.4NK.2	MOS
157	2563406001	Trần Nguyễn Quỳnh Dương	10/02/2004	25V.CQT21.4NK	MOS
158	2563406002	Từ Công Dưỡng	26/02/1997	25V.CQT21.4NK	UDCNTTCB
159	2563406009	Cao Dương Hồng Ngọc	15/6/1997	25V.CQT21.4NK	UDCNTTCB
160	2563406010	Tô Nguyễn Thảo Sương	27/02/2005	25V.CQT21.4NK	UDCNTTCB
161	2563404004	Nguyễn Trí Lực	07/8/2003	25V.CTC21.4NK	UDCNTTCB
162	2563404012	Nguyễn Đoàn Thảo Vy	02/11/2005	25V.CTC21.4NK	UDCNTTCB
163	2562064002	Đặng Gia Linh	17/02/1997	25V.DQT11.4NK	UDCNTTCB
164	2673015047	Mai Thị Trâm	18/9/1996	26X.CKT-K5.1	UDCNTTCB

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC
165	2673105037	Nguyễn Thị Mai Hoa	20/6/1995	26X.CTA5.1	UDCNTTCB
166	2673105026	Phạm Thị Phương Khanh	15/11/1996	26X.CTA5.1	MOS
167	2673105040	Trương Thị Bảo Ngọc	01/11/2002	26X.CTA5.1	UDCNTTCB
168	2673105013	Bùi Xuân Nguyên	14/9/2002	26X.CTA5.1	UDCNTTCB
169	2671043001	Nguyễn Tuấn Anh	11/7/1995	26X.PTC-K5.3	UDCNTTCB
170	2572103004	Phan Ngọc Huỳnh	23/8/2001	25X.DTA4.3	MOS
171	2572103010	Nguyễn Triệu Phát	11/12/2003	25X.DTA4.3	MOS
172	2572103013	Trần Tú Quyên	14/9/2000	25X.DTA4.3	MOS
173	2572103021	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	22/9/1996	25X.DTA4.3	UDCNTTCB
174	2572103030	Lưu Ngọc Nữ	30/4/2001	25X.DTA4.3	MOS
175	2572103034	Trương Thị Tuyết Thương	11/6/2002	25X.DTA4.3	MOS
176	2572103040	Cao Thị Hà	28/02/1999	25X.DTA4.3	MOS
177	2572103049	Lê Thị Thanh Phương	23/3/2000	25X.DTA4.3	MOS
178	2572103051	Hồ Trần Trung Sơn	09/9/1999	25X.DTA4.3	UDCNTTCB
179	2572103063	Hoàng Tiến Anh	20/12/2002	25X.DTA4.3	UDCNTTCB
180	2663042009	Nguyễn Bảo Ngân	29/7/2004	26V.CTC22.2NK	UDCNTTCB
181	2663071012	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên	15/10/2005	26V.CMA22.1NK	UDCNTTCB
182	2663071052	Võ Hoài Phương	19/3/2005	26V.CMA22.1NK	MOS
183	2663071062	Trần Hồng Trâm	18/11/2005	26V.CMA22.1NK	UDCNTTCB

Tổng số danh sách: 183 sinh viên./.



**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, TỪ XA
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Kèm theo Quyết định số 4098/QĐ-ĐHTCM ngày 07 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC	ĐIỂM
1	2263102039	Nguyễn Ngọc Hoài Trung	01/02/1993	22CDK18-MA1	Khung 6 bậc	Bậc 4:6.0/10
2	2263102023	Trần Thị Thanh	03/01/1999	22CDK18-MA1	Aptis ESOL	B1
3	2261102029	Hoàng Lê Bá Thăng	20/11/2001	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
4	2363312024	Đỗ Thị Phương Uyên	14/11/1998	23CDK19-KQ3	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.5/10
5	2363312025	Lê Thị Bé Trâm	24/4/1998	23CDK19-KQ3	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.5/10
6	2363312009	Nguyễn Thị Thanh Thảo	22/9/1991	23CDK19-KQ3	Khung 6 bậc	Bậc 4:6.5/10
7	2363301022	Nguyễn Ngọc Minh Anh	03/12/1998	23CDK19-KT3	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.0/10
8	2362307002	Vũ Như Hùng	03/8/2000	23DH2K9-MA3	ToeFl ibt	B2
9	2361312065	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	07/5/2005	23DHK19-KQ3.H	Khung 6 bậc	5.0/10
10	2361307078	Dương Thảo Trà My	16/3/2005	23DHK19-MA3.H1	Khung 6 bậc	5.0/10
11	2361307082	Nguyễn Thúy Ngọc	11/12/2005	23DHK19-MA3.H1	Khung 6 bậc	4.0/10
12	2361106003	Nguyễn Võ Thùy Dung	21/7/2004	23DHK19QT1	Aptis Esol	B2
13	2361106019	Phạm Nguyệt Nhi	04/12/2004	23DHK19QT1	Aptis Esol	B1
14	2361304069	Lý Triệu Vi	01/3/2005	23DHK19-TC3.H	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.5/10
15	2361304057	Nguyễn Khánh Ly	25/7/2005	23DHK19-TC3.H	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
16	2463212015	Trần Thị Mỹ Viên	29/6/1998	24V.CKQ20.2NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.5/10
17	2463212021	Nguyễn Hồng Nhung	20/10/1996	24V.CKQ20.2NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.5/10
18	2463212024	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	30/08/1999	24V.CKQ20.2NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
19	2463101003	Trần Thị Liên	10/04/1990	24V.CKT1.1NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.0/10
20	2463101008	Nguyễn Hữu Tài	16/02/1991	24V.CKT1.1NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.5/10
21	2463101010	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22/04/2002	24V.CKT1.1NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
22	2463101016	Phạm Thị Huyền Trân	01/04/1999	24V.CKT1.1NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
23	2463101018	Trần Lệ Xuân	11/12/1997	24V.CKT1.1NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.5/10
24	2463101019	Đồng Nguyễn Phương Duy	10/12/1993	24V.CKT1.1NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
25	2463101020	Lê Thị Ngọc Huyền	20/01/1997	24V.CKT1.1NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.0/10
26	2463301014	Bùi Thị Hân Vy	27/07/2003	24V.CKT20.3NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.5/10
27	2463301049	Trần Trương Diễm Phúc	02/12/1994	24V.CKT20.3NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.5/10
28	2463102033	Huỳnh Thái Bảo	05/08/2003	24V.CMA1.1NK	Aptis ESOL	B1
29	2463307039	Trần Thị Bảo Yến	01/11/2003	24V.CMA20.3NK	Khung 6 bậc	Bậc 4:6.0/10
30	2463106006	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	01/11/1996	24V.CQT1.1NK	Aptis Esol	B2
31	2463106018	Hoàng Kim Sơn	16/01/1989	24V.CQT1.1NK	Khung 6 bậc	4.5
32	2463106021	Nguyễn Thị Huyền Trân	12/11/2003	24V.CQT1.1NK	Aptis ESOL	B1

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC	ĐIỂM
33	2463106024	Phan Thị Thanh Tuyền	18/01/1996	24V.CQT1.1NK	Aptis ESOL	B1
34	2463106036	Bùi Thị Hậu	02/12/1996	24V.CQT1.1NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.5/10
35	2463306013	Nguyễn Thị Xuân Thảo	30/01/1989	24V.CQT20.3NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
36	2463306002	Nguyễn Thị Kim Ngọc	07/03/1989	24V.CQT20.3NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
37	2472310139	Trần Kim Ngọc Nữ	15/04/2000	24X.DTA3.1.HCQG	Aptis Esol	B2
38	2563122017	Đoàn Minh Nguyệt	12/10/1998	25V.CKQ21.2NK	Khung 6 bậc	Bậc 4:6.5/10
39	2563122011	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	24/08/2004	25V.CKQ21.2NK	Khung 6 bậc	Bậc 4: 6.5/10
40	2563012048	Đỗ Thị Sang	15/02/2000	25V.CKT21.2NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.5/10
41	2561401022	Hứa Thị Thu Thủy	29/12/1997	25V.CKT21.3NK	Khung 6 bậc	Bậc 3:4.0/10
42	2573061042	Đỗ Thị Chánh	04/03/1991	25X.CQT-K1.2	khung 6 bậc	Bậc 3:5.5/10
43	2573061064	Lê Thị Thanh Tâm	10/12/1997	25X.CQT-K1.2	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.0/10
44	2572104157	Phạm Huỳnh Kim Ngân	23/09/2002	25X.DTA4.2	Khung 6 bậc	Bậc 4:6.0/10
45	2572104221	Vũ Ngọc Trung	22/02/1998	25X.DTA4.2.SV	Khung 6 bậc	Bậc 3:5.5/10
46	2571061029	Trần Lê Vy	04/12/1999	25X.PQT-K1.2	IELTS	5.5
47	2562074005	Trần Thị Hồng Nhung	08/02/2003	25V.DMA11.4NK	Đại học	
48	2671062002	Đỗ Ngọc Cường	25/07/1996	26X.DQT-K5.2	Đại học	

Tổng số danh sách: 48 sinh viên./.

